

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN

**CƠ CHẾ PHÁP LÝ VỀ SỰ THAM GIA
CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 62 38 01 01

HÀ NỘI - 2017

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2017

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, môi trường đang là vấn đề được mọi quốc gia quan tâm, dù đó là quốc gia phát triển hay đang phát triển. Bảo vệ môi trường (BVMT) đang là vấn đề thách thức lớn nhất đối với toàn cầu, khu vực và mỗi quốc gia trong thế kỷ 21, đặc biệt ở những những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Phát triển kinh tế - xã hội gắn kết với BVMT là mục tiêu và cũng là định hướng cơ bản để đạt tới sự phát triển bền vững. Không thể đo đếm sự hơn kém về tầm quan trọng giữa môi trường và phát triển nên cũng không thể có sự đánh đổi của môi trường cho phát triển hay ngược lại. BVMT theo đó trở thành một vấn đề mang tính tất yếu khách quan trong thời đại phát triển ngày nay. Chính vì vậy, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác đều xác định BVMT và phát triển có tầm quan trọng ngang nhau.

Ở Việt Nam, công tác BVMT đã được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Ngày 15/11/2004, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về BVMT trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, Nghị quyết đã nêu rõ quan điểm: “BVMT là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, là biểu hiện của nếp sống văn hóa, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh và là sự nối tiếp truyền thống yêu thiên nhiên, sống hài hòa với tự nhiên của cha ông ta”. Đại hội Đảng lần thứ XII cũng đã khẳng định: “BVMT phải là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân”. Nhiều văn bản pháp luật về BVMT cũng đã được ban hành và tổ chức thực hiện như Luật BVMT năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2005), Luật tài nguyên nước năm 1998, Luật đa dạng sinh học năm 2008; Luật năng lượng nguyên tử năm 2008, Luật Khoáng sản năm 2010, Luật BVMT năm

2014,... Trong đó, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là BVMT gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, BVMT để phát triển bền vững; BVMT là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người. Nhờ có những chủ trương, chính sách pháp luật đúng đắn, công tác BVMT đã có những chuyển biến tích cực cả trong nhận thức lẫn hành động.

Trên bình diện quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng, các tổ chức xã hội (TCXH) đang ngày càng góp phần quan trọng vào những nỗ lực chung của cộng đồng trong đó có BVMT. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, hàng loạt các TCXH đã ra đời và phát triển mạnh góp phần đáng kể trong việc tăng cường vai trò tham gia của người dân vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, trong đó có sự nghiệp BVMT. Do vậy, vai trò của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam rất quan trọng. Các TCXH đã chung sức cùng với Nhà nước tham gia quá trình giám sát, BVMT. Tuy nhiên, do chưa có một khung pháp lý đồng bộ và một cơ chế thực thi hiệu quả nên sự tham gia của các TCXH trong BVMT còn nhiều hạn chế. Một trong những khó khăn của các TCXH trong việc BVMT đó là nhận thức của chính quyền, ban, ngành địa phương, thậm chí của xã hội nói chung, về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của các TCXH còn chưa đầy đủ. Vì vậy, các TCXH ở Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực BVMT chưa thực sự tạo ra được sức mạnh góp phần hỗ trợ Nhà nước quản lý, BVMT; đặc biệt là chưa mang lại nhiều tác động hiệu quả từ hoạt động vận động chính sách, tư vấn, phản biện xã hội đối với những chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương có tác động đến môi trường. Trong khi đó, nhiều vụ vi phạm pháp luật về môi trường diễn ra hàng ngày và thường xuyên, với cấp độ ngày càng nghiêm trọng hơn, ảnh hưởng trầm trọng đến an ninh môi trường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội làm cho Việt Nam phải đối mặt với những vấn đề rất lớn và nghiêm trọng về BVMT.

Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do khâu triển khai, tổ chức thực hiện pháp luật BVMT rất yếu, đồng thời chưa tạo được cơ chế pháp lý huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia BVMT, trong đó có sự tham gia của các TCXH.

Về mặt lý luận, mặc dù đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về cơ chế pháp lý liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập một cách có hệ thống, trực tiếp liên quan đến cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay.

Tình hình nêu trên cho thấy việc triển khai nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lý luận và thực tiễn, đề xuất quan điểm giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay mang tính thời sự, cấp bách. Bởi vậy, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài: ***“Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích và làm sáng tỏ luận cứ khoa học của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT, luận án có mục đích đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, xây dựng cơ sở lý luận của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay dựa trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quy định pháp luật BVMT liên quan đến sự tham gia của các TCXH trong BVMT trên thế giới và ở Việt Nam.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam; trên cơ sở chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng này.

Ba là, xây dựng nhận thức chung về vai trò tham gia BVMT của các TCXH và cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam, nghiên cứu, luận giải các quan điểm, đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

- Quan điểm khoa học liên quan đến cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT.
- Các quy định pháp luật thể hiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT.
- Thực tiễn vận hành cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT.
- Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT của một số quốc gia trên thế giới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Về không gian*: Đề tài xác định phạm vi nghiên cứu là trên toàn quốc.
- *Về nội dung*: Các TCXH ở Việt Nam hiện nay bao gồm nhiều nhóm tổ chức được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau và nhiều cách hiểu khác nhau. Trong luận án này, khái niệm TCXH được hiểu theo nghĩa hẹp, không bao gồm các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, TCXH nghề nghiệp. Vì vậy, Luận án chỉ tập trung nghiên cứu cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT với tính cách là những hội theo

quy định tại Nghị định 45/2010/NĐ-CP về tổ chức hoạt động của các tổ chức hội.

- *Về thời gian:* Chủ yếu nghiên cứu từ năm 1986 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung của đề tài dựa trên cơ sở lý luận là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp luật, về dân chủ xã hội chủ nghĩa (XHCN), về quyền làm chủ của nhân dân, về hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, về sự tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của triết học Mác-Lênin bao gồm phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nội dung đề tài.

Trên cơ sở phương pháp luận nói trên, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống kê; phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn; phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh... để nghiên cứu các nội dung cụ thể trong từng chương của luận án.

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án xây dựng được cơ sở lý luận về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT với các vấn đề như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các thành tố, tiêu chí hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT.

- Đánh giá thực trạng cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam, nêu được những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của cơ chế này.

- Luận án đề xuất quan điểm và giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về lý luận, kết quả của luận án đóng góp phần hoàn thiện lý luận về quyền lực nhân dân, quyền làm chủ của nhân dân, về kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, chỉ rõ thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay.

Về thực tiễn, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo hữu ích trong việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập lý luận chung về nhà nước và pháp luật trong các cơ sở đào tạo, làm tài liệu tham khảo nghiên cứu đối với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạch định chính sách, pháp luật, dự án kinh tế-xã hội để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Luận án còn góp phần nâng cao nhận thức cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân về BVMT và sự tham gia của toàn xã hội trong việc BVMT.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu làm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, tác giả đi đến kết luận: mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án trong và ngoài nước có số lượng khá lớn nhưng hiện tại chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ, toàn diện về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT để từ đó đề xuất những phương hướng, giải pháp hoàn thiện nên đề tài luận án của nghiên cứu sinh là một hướng nghiên cứu mới và còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải được làm sáng tỏ.

1.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

Trong luận án, nghiên cứu sinh đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ như sau: Về mặt lý luận, xác định rõ khái niệm TCXH, từ đó xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi, nội dung, mục đích, vai trò của các TCXH trong BVMT; xây dựng khái niệm, đặc điểm, nội dung, vị trí vai trò, các bộ phận cấu thành, mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam. Về thực tiễn: nghiên cứu khảo sát để tìm ra những tồn tại, thiếu sót, bất cập và nguyên nhân; xác định quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở nước ta hiện nay.

Luận án đặt ra giả thuyết nghiên cứu như sau: cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT đang bộc lộ rõ những bất cập, hạn chế trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Nhận thức đầy đủ và nâng

cao hiệu quả sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam đang là yêu cầu đặt ra một cách cấp bách hiện nay.

Câu hỏi nghiên cứu trong luận án là: Quan niệm như thế nào về TCXH và vai trò của TCXH trong BVMT? Nhận thức như thế nào về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT? Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT được vận hành ra sao trong thực tiễn Việt Nam? Hoàn thành cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam cần xuất phát từ những quan điểm mang tính định hướng và các giải pháp cụ thể gì?

Tóm lại, Chương 1 của luận án đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan, xác định những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu. Đây là những vấn đề hết sức quan trọng, vừa nhằm làm rõ tính mới của luận án vừa xác định những định hướng nghiên cứu cơ bản của luận án.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA CƠ CHẾ PHÁP LÝ VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

2.1.1. Khái niệm cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Trên cơ sở nghiên cứu những cách tiếp cận khác nhau ở trong và ngoài nước, với phạm vi và cách tiếp cận trong luận án của mình (theo nghĩa hẹp), nghiên cứu sinh xác định: TCXH là tổ chức tập hợp tự nguyện của công dân, tổ chức dưới hình thức các hội cùng nghề nghiệp, cùng sở thích, cùng hoàn cảnh,... có chung mục đích tập hợp đoàn kết hội

viên, hoạt động thường xuyên không vụ lợi, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong lĩnh vực BVMT, các TCXH có các vai trò cơ bản sau đây: (1) các TCXH tham gia BVMT thông qua việc vận động các thành viên của mình thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong BVMT; (2) các TCXH tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, kế hoạch và các quy định về BVMT; (3) các TCXH tham gia hoạt động tư vấn, phản biện xã hội trong lĩnh vực BVMT; (4) các TCXH tham gia hoạt động giám sát, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật BVMT, cưỡng chế, thi hành pháp luật BVMT; (5) các TCXH tham gia hoạt động BVMT thông qua các hoạt động dịch vụ BVMT; (6) các TCXH tham gia phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, pháp luật về BVMT và thu hút sự tham gia của cộng đồng vào việc BVMT.

Trên cơ sở làm rõ khái niệm cơ chế, cơ chế pháp lý, luận án đã đưa ra khái niệm: *Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT là hệ thống các yếu tố pháp lý hợp thành, có mối quan hệ mật thiết với nhau, bao gồm các quy định về quyền nghĩa vụ, nội dung tham gia, mối quan hệ của các TCXH với các chủ thể BVMT khác khi tham gia BVMT theo những hình thức, phương pháp, trình tự, thủ tục và hậu quả pháp lý xác định nhằm điều chỉnh điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong khi các TCXH tham gia BVMT, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc ủng hộ, hỗ trợ sự tham gia của các TCXH trong BVMT, xử lý các chủ thể vi phạm pháp luật BVMT, BVMT, bảo vệ lợi ích của quốc gia, xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể và của công dân.*

2.1.2. Đặc điểm cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Thứ nhất, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT là một dạng cụ thể của cơ chế pháp lý nói chung.

Thứ hai, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT có cấu trúc phức tạp, nhiều yếu tố cấu thành và các yếu tố này có mối quan hệ gắn bó mật thiết, tác động qua lại với nhau.

Thứ ba, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT vận hành phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của các hình thức, phương thức tham gia BVMT

Thứ tư, sự phát triển của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT gắn với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự tiến bộ của xã hội trong việc ghi nhận vai trò, tầm quan trọng của các TCXH trong các quá trình xã hội.

Thứ năm, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT thể hiện trách nhiệm của Nhà nước, các chủ thể khác và yêu cầu của TCXH trong việc thực thi quyền tham gia BVMT.

Thứ sáu, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ra đời muộn.

2.1.3. Vai trò của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng và phát triển đất nước. Cụ thể:

Thứ nhất, việc xây dựng và thực hiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT khẳng định trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo các quyền con người, quyền công dân thông qua việc đảm bảo các quyền và nghĩa vụ tham gia BVMT của cộng đồng và các TCXH.

Thứ hai, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT góp phần nâng cao vai trò của các TCXH trong BVMT.

Thứ ba, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT góp phần đảm bảo quyền làm chủ của người dân trong BVMT.

Thứ tư, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT là một trong những phương tiện góp phần bảo đảm cho tính pháp quyền của Nhà nước được tăng cường, nhân tố làm cho nhà nước mạnh.

Thứ năm, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT phối hợp với các cơ chế BVMT khác hợp thành sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho hoạt động BVMT hiệu quả.

2.2. Các yếu tố cấu thành cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Từ khái niệm, đặc điểm, vai trò của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT, Luận án xác định cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT được cấu thành bởi những thành tố sau đây:

- Các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ và nội dung tham gia của TCXH khi tham gia BVMT.
- Hình thức, phương pháp tham gia BVMT của các TCXH.
- Trình tự, thủ tục tham gia BVMT của các TCXH.
- TCXH và mối quan hệ giữa TCXH với các chủ thể BVMT khác.
- Hậu quả pháp lý của việc tham gia BVMT của các TCXH.

Các yếu tố cấu thành cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, được quy định và vận hành một cách đồng bộ bảo đảm sự tham gia của các TCXH trong BVMT. Nhận thức các thành tố của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT là cơ sở để phân biệt cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT với các khái niệm cơ chế điều chỉnh pháp luật, cơ chế thực hiện pháp luật... Nhưng điều quan trọng hơn việc nhận thức đầy đủ từng thành tố của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT cùng với các tiêu chí hoàn thiện cơ chế này chính là

các căn cứ để đánh giá thực trạng và xác định các quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT - những nội dung chủ yếu của luận án này.

2.3. Tiêu chí hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Trên cơ sở khái niệm, đặc điểm, vai trò, nhất là các yếu tố cấu thành cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT nêu trên, nghiên cứu sinh xác định những tiêu chí hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT dưới đây:

- Bảo đảm thể chế thuận lợi cho việc tham gia bảo vệ môi trường của các TCXH.
- Bảo đảm cho các TCXH thực hiện được vai trò là chủ thể bảo vệ môi trường trong quan hệ chặt chẽ với các chủ thể BVMT khác.
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động tham gia BVMT của các TCXH.
- Bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi vi phạm quyền tham gia BVMT của các TCXH.

2.4. Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường ở một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Trong mục này, nghiên cứu sinh đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia khác nhau trên thế giới như Đức, Nhật, Anh, Pháp, Trung Quốc... Qua đó có thể thấy các TCXH ở các nước phát triển đã khá tích cực và có nhiều điều kiện để tiến hành các hoạt động trên lĩnh vực BVMT. Các nước cũng có một cơ chế để bảo đảm cho người dân, các TCXH tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị môi trường. Điều đáng lưu ý là các TCXH tham gia BVMT có sự vận động rất tích cực và sử dụng nhiều công cụ, phương tiện, kênh gây ảnh hưởng khác nhau để thực hiện mục tiêu, sứ mệnh của mình.

Nghiên cứu cũng cho thấy Việt Nam có thể tham khảo trên một số nội dung như: pháp luật phải ghi nhận, thúc đẩy, khuyến khích sự tham gia của các TCXH vào hoạt động BVMT; các TCXH có vai trò ngày càng quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng đến việc BVMT; cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT cần một hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho các TCXH hoạt động trong lĩnh vực môi trường tiến hành các hoạt động của mình; các TCXH phải được quyền tiếp cận thông tin về môi trường một cách thuận lợi, dễ dàng.

Tóm lại, Chương 2 của luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT. Đây là nội dung không chỉ có ý nghĩa đối với hoàn thiện lý luận mà còn có tác dụng đối với việc định hướng thực hiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam

Chương 3

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG CƠ CHẾ PHÁP LÝ VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

3.1. Quá trình hình thành, phát triển của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT có quá trình hình thành và phát triển trên cơ sở thể chế chính trị, pháp lý và điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước theo từng giai đoạn. Có thể phân kỳ nghiên cứu thành các giai đoạn: trước năm 1986; từ năm 1986 đến 2005; từ năm 2005 đến 2013; từ 2013 đến nay.

Qua nghiên cứu cho thấy mỗi giai đoạn lịch sử, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT có những đặc điểm riêng, có những ưu điểm và cả những nhược điểm đặt trong bối cảnh lịch sử của thời kỳ đó.

Tuy nhiên, điểm tích cực nhận thấy là qua mỗi thời kỳ cơ chế pháp lý đều có sự phát triển không ngừng theo hướng ngày càng đề cao vai trò của các TCXH trong BVMT. Riêng đối với giai đoạn từ 2013 đến nay, việc đánh giá thực trạng cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT được tách thành phần riêng dưới đây.

3.2. Thực trạng cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

3.2.1. Thực trạng các quy định về quyền, nghĩa vụ và nội dung tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014 đã có bước tiến lớn khi dành riêng Chương 15 quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác BVMT cụ thể ở Điều 144, 145, 146. Bước tiến này thể hiện ở việc Nhà nước trao quyền cho các TCXH và cộng đồng dân cư để thực thi một số chức năng trong quá trình tham vấn, góp ý, phản biện, giám sát các quyết định liên quan đến môi trường cũng như quá trình thực thi các quy định về BVMT của các bên liên quan. Yêu cầu quan trọng là làm thế nào để các quy định này được thể chế hóa toàn diện, cụ thể, rõ ràng để TCXH và cộng đồng có thể chủ động và tích cực tham gia BVMT hiệu quả. Ngoài ra, nội dung này cũng được lồng ghép trong các văn bản khác hướng dẫn khác, đặc biệt là văn bản liên quan đến ĐTM, ĐMC và công tác thanh tra, kiểm tra.

Thực trạng quy định về nội dung tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường thể hiện ở các lĩnh vực sau: Tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; Tham gia tư vấn, phản biện xã hội về môi trường; Tham gia giám sát, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; Tham gia hoạt động dịch vụ bảo vệ môi trường.

3.2.2. Thực trạng quy định về hình thức, phương pháp tham gia bảo vệ môi trường của các tổ chức xã hội

Hình thức, phương pháp cụ thể khi tham gia BVMT của các TCXH đã được quy định trong luật như đã nêu trong phần thực trạng các quy định pháp luật về sự tham gia BVMT của các TCXH ở trên đây. Thực tiễn cho thấy, tuy có nhiều loại hình tổ chức và tham gia vào lĩnh vực BVMT dưới nhiều hình thức khác nhau, bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng tựu chung lại đều ở các hình thức: (1) Phát hiện, tố giác vi phạm về BVMT, (2) Phản biện xã hội về môi trường, (3) Tư vấn, vận động chính sách về môi trường, (4) Kiểm tra, giám sát môi trường, (5) Đào tạo, phổ biến, tuyên truyền về BVMT. Tuy nhiên, các hình thức này đều mang tính tự phát từ phía các TCXH chứ chưa thực sự được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật. Điều đó cho thấy mặc dù vai trò của các TCXH trong BVMT hiện nay ngày càng lớn nhưng thực tiễn cho thấy vẫn chưa có quy định rõ ràng, cụ thể.

Ngoài ra, các TCXH còn sử dụng những hình thức thông qua kiến nghị, đề nghị, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các hành vi vi phạm pháp luật môi trường của các doanh nghiệp hoặc các dự án kinh tế - xã hội có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

3.2.3. Thực trạng quy định về trình tự, thủ tục tham gia bảo vệ môi trường của các tổ chức xã hội

Thực tế nghiên cứu các quy định pháp luật về sự tham gia của các TCXH trong BVMT như nêu trong nội dung thực trạng các quy định pháp luật về vấn đề này trên đây cho thấy hiện vẫn còn rất nhiều bất cập về trình tự, thủ tục tham gia BVMT của các TCXH. Cụ thể là: Luật chưa có biện pháp cụ thể hóa khuyến khích như thế nào và tạo điều kiện như thế nào, chưa có một cơ chế tạo điều kiện cho người dân, công chúng thực hiện việc phản biện, đóng góp ý kiến hiệu quả. Dù Luật BVMT 2014 đã dành

riêng chương 15 quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường nhưng so với yêu cầu thực tiễn hiện nay, dường như vẫn còn những khoảng trống mà hệ thống các quy phạm này chưa đáp ứng được. Chỉ quy định về tuyên truyền vận động, giám sát, trong khi cộng đồng và tổ chức xã hội dân sự có thể thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại vi phạm, quyền khởi kiện, thực hiện quyền cả bên đứng ra yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại môi trường. Thiếu các cơ chế để TCXH thực thi các quy định của Luật BVMT.

3.2.4. Thực trạng các quy định về quan hệ của các tổ chức xã hội với các chủ thể bảo vệ môi trường khác

Đối với thiết chế Nhà nước, ngoài việc ban hành các quy định pháp luật nhằm bảo đảm sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở các cấp độ từ cung cấp thông tin, thực hiện BVMT, tham gia xây dựng phản biện chính sách BVMT, tham gia giám sát BVMT đến việc quy định các chế tài cần thiết nếu quyền tham gia BVMT của các TCXH bị vi phạm. Tuy nhiên, chất lượng cũng như mức độ bảo đảm sự tham gia của các TCXH bằng pháp luật được thể hiện trong hệ thống pháp luật về BVMT vẫn còn những tồn tại hạn chế. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về môi trường còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu; hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước chưa cao, đặc biệt trong phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, việc coi trọng sự tham gia của các TCXH trong BVMT từ phía doanh nghiệp gần như vắng bóng. Việc thực hiện chính sách và pháp luật BVMT, hay trách nhiệm với xã hội tại các doanh nghiệp Việt Nam còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập như: doanh nghiệp chưa nhận thức được vấn đề BVMT, hoặc không quan tâm đến cải thiện môi trường; việc đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường tại doanh nghiệp chỉ mang tính chất đối phó với các cơ quan chức

năng chứ chưa xuất phát từ ý thức; thiếu chiến lược quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp về công tác BVMT đối với thị trường trong nước và quốc tế.

3.2.5. Thực trạng các quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Các quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia của các TCXH trong BVMT trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua đã có nhiều thành tựu, ưu điểm thể hiện sự phát triển, tiến bộ rõ nét so với trước đây. Bên cạnh những thành tựu, ưu điểm tiến bộ nêu trên, các quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia BVMT của các TCXH vẫn còn những hạn chế, bất cập sau đây: các quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia BVMT của các TCXH vẫn còn chung chung, chưa triệt để nên hiệu quả tham gia BVMT của các TCXH còn thấp, không rõ ràng. các quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia BVMT của các TCXH vẫn còn chung chung, chưa triệt để nên hiệu quả tham gia BVMT của các TCXH còn thấp, không rõ ràng.

3.2.6. Đánh giá chung cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường ở Việt Nam

3.2.6.1. Ưu điểm và nguyên nhân

Trong những năm qua cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT có nhiều ưu điểm, tiến bộ, thể hiện trên các nội dung sau đây:

Thứ nhất, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT cho thấy Nhà nước và các chủ thể khác trong BVMT đã đề cao trách nhiệm bảo vệ quyền môi trường của cộng đồng thông qua việc khẳng định vai trò của cộng đồng tham gia BVMT.

Thứ hai, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT đã tác động tích cực đến nhận thức của các chủ thể trong xã hội về tầm quan trọng của BVMT và vai trò của các TCXH trong BVMT.

Thứ ba, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT đã góp phần nâng cao vai trò của các TCXH trong BVMT.

Thứ tư, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT đã thúc đẩy bầu không khí dân chủ, đảm bảo quyền môi trường của người dân, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, góp phần làm xanh hoá các dự án phát triển kinh tế xã hội có nguy cơ tác động tiêu cực, huỷ hoại môi trường.

Thứ năm, cùng với các cơ chế BVMT khác, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT góp phần tạo thành sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho hoạt động BVMT hiệu quả tốt nhất.

Nguyên nhân của những ưu điểm, thành tựu nêu trên bắt nguồn từ những yêu cầu sau đây: Vấn đề BVMT đã trở thành yêu cầu bức xúc, đòi hỏi sự quan tâm thích đáng của Nhà nước và xã hội; Yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng chế độ dân chủ, phát huy vai trò của pháp luật và sức mạnh của nhân dân trong BVMT; Yêu cầu đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại môi trường, phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, trong đó có sức mạnh vô địch của nhân dân thông qua hoạt động của các TCXH trong BVMT; Yêu cầu hoàn thiện pháp luật nói chung, hoàn thiện pháp luật về sự tham gia của các TCXH trong BVMT nói riêng bảo đảm cho cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ngày càng có hiệu lực, hiệu quả.

3.2.6.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Bên cạnh những tác động tích cực đã nêu, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT vẫn còn những bất cập, hạn chế, đó là: hiệu quả vận hành của cơ chế này nói chung không cao, tác động tích cực của cơ chế đối với xã hội chung và BVMT nói riêng hầu như không đáng kể. Trong khi đó, chính những tồn tại, hạn chế trong từng yếu tố cấu thành đã làm cho cơ chế này dường như chưa vận hành thực sự trên thực tế mặc dù các TCXH hoạt động trong lĩnh vực BVMT đã phát triển khá lâu nhưng vai trò lại không được ghi nhận.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập là do: một thời gian dài các chủ thể trong xã hội từ phía Nhà nước, doanh nghiệp lẫn cộng đồng đều chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của cơ chế này; hệ thống pháp luật được xây dựng, ban hành tuy đã được đổi mới nhưng vẫn còn một số hạn chế; các điều kiện bảo đảm để cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT vận hành, hoạt động chưa hoàn chỉnh, mối liên hệ giữa các bộ phận của cơ chế và giữa cơ chế bên trong với cơ chế bên ngoài bộ máy nhà nước chưa chặt chẽ, các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến cơ chế chưa đạt trình độ phát triển; công cuộc đổi mới đất nước được thực hiện từ năm 1986 đến nay nhưng nhiều quy định cũ, mô hình cũ không phù hợp chưa được huỷ bỏ; quyền tiếp cận thông tin và đối thoại với Nhà nước, các doanh nghiệp của các TCXH chưa được nhận thức đầy đủ, đúng đắn.

Tóm lại, Chương 3 của luận án đã trình bày thực trạng cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam. Từ thực trạng được khảo sát, luận án cũng khẳng định bên cạnh những thành công lớn đã đạt được, cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam vẫn còn có những hạn chế nhất định, cần thiết phải tìm hiểu nguyên nhân để có quan điểm, giải pháp khắc phục.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ PHÁP LÝ VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

4.1. Quan điểm hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Trong mục này, luận án đưa ra và phân tích các quan điểm hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam thời gian tới như sau:

Một là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT phải quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng về BVMT.

Hai là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT phải phát huy vai trò, huy động tối đa sự tham gia của các TCXH trong BVMT.

Ba là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của TCXH trong BVMT phải gắn với phát huy dân chủ, xây dựng môi trường công khai, minh bạch.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT phải đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

4.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

4.2.1. Đổi mới nhận thức về vai trò của các tổ chức xã hội và cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế nhiều thành phần, tất yếu dẫn đến sự khác biệt tư tưởng và tồn tại tính đa chiều trong tư duy chính trị. Nhìn thấy trước thực tế này để củng cố quyền lực của Đảng là điều cực kỳ quan trọng. Đổi mới nhận quan và nâng cấp chất lượng lãnh đạo toàn diện để khôi phục lại niềm tin trong dân là những công việc Đảng phải làm ngay, làm thật sự, không hình thức trước khi vai trò phản biện của XHDS - điều đang và sẽ là tất yếu khách quan - đủ mạnh để nhận ra tính đúng đắn trong đường lối chính sách do Đảng cầm quyền đưa ra, để chỉ có ủng hộ và ủng hộ mà thôi.

Tuy nhiên, để các TCXH phát triển tích cực đóng góp vào quá trình quản lý đất nước, cũng đòi hỏi chính các TCXH và người dân tự ý thức được không chỉ quyền mà còn nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với cộng đồng và dân tộc. Điều này đòi hỏi một nền tảng như những điều kiện bảo đảm cho các cơ chế thiết yếu trong xã hội vận hành như cơ chế pháp lý bảo đảm cho các TCXH tham gia BVMT.

4.2.2. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về nội dung tham gia và quyền, nghĩa vụ của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường

Trong điều kiện thực hiện chiến lược phát triển bền vững đất nước, vấn đề BVMT có ý nghĩa cực kỳ quan trọng vì vậy nên quy định nội dung tham gia BVMT của các TCXH cụ thể hơn, gắn trực tiếp với BVMT. Việc quy định này có thể nêu ngay trong luật BVMT hoặc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các TCXH nói chung và TCXH về môi trường nói riêng. Về quyền, nghĩa vụ của các TCXH, TCXH về môi trường trong BVMT cũng cần được quy định cụ thể gắn với yêu cầu BVMT không để chung, lẫn lộn trong pháp luật về dân chủ, về khiếu nại, tố cáo. Nên quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ trong BVMT.

4.2.3. Sửa đổi và cụ thể hóa quy định về hình thức, phương pháp tham gia bảo vệ môi trường của các tổ chức xã hội

Do BVMT là vấn đề quan trọng, góp phần phát triển bền vững đất nước, môi trường lại liên quan đến lợi ích chung của xã hội, của nhiều người, vì vậy chúng tôi đề nghị phải có quy định riêng về vấn đề này và tốt nhất là quy định trong luật BVMT. Ở đây cần quy định rõ trách nhiệm tiếp thu, giải trình, trả lời của các cơ quan soạn thảo. Trong đấu tranh BVMT của các TCXH cũng xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức phải trả lời, giải trình về những đề nghị, yêu cầu của TCXH.

Đối với các TCXH BVMT do hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực BVMT nên cần có quy định mới và cụ thể hơn về hình thức, phương pháp tham gia BVMT của họ. Đặc biệt là hình thức biểu tình để BVMT cũng cần phải được luật hóa trong Luật về biểu tình.

4.2.4. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các hoạt động tham gia bảo vệ môi trường của các tổ chức xã hội

Cần phải có những quy định riêng, thích hợp về trình tự, thủ tục tham gia BVMT của các TCXH. Trình tự, thủ tục của các hoạt động tham gia

BVMT của các TCXH cần được cụ thể bảo đảm phù hợp với từng loại hoạt động, có thể được quy định trong luật BVMT hoặc các luật chuyên ngành khác. Tuy nhiên khi quy định trong các luật chuyên ngành khác, chẳng hạn trong luật khiếu nại, luật tố cáo cần có điều khoản riêng về trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo về môi trường.

4.2.5. Xây dựng Luật về Hội tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội và tổ chức xã hội về môi trường tham gia bảo vệ môi trường

Luật về Hội sẽ tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động của các TCXH nói chung và TCXH về môi trường nói riêng với tư cách là những thiết chế hoạt động xã hội trong đó có hoạt động BVMT, phát huy vai trò của các thiết chế xã hội này trong đời sống xã hội cũng như hoạt động BVMT. Các TCXH không phải là TCXH về môi trường ngoài hoạt động theo nghề nghiệp, sở thích, hoàn cảnh v.v.. của mình có thể tham gia hoạt động xã hội trong đó có hoạt động BVMT cùng với các TCXH khác để hưởng ứng, ủng hộ các TCXH về môi trường.

Xây dựng Luật về Hội hiện nay cần chú ý những nội dung sau đây: đối tượng áp dụng; thủ tục thành lập hội; chính sách đối với hội; tổ chức, hoạt động của hội; quản lý nhà nước đối với các hội. Trong lĩnh vực BVMT, để TCXH có thể phát huy năng lực của mình, cần thiết phải đảm bảo những điều kiện cụ thể sau: Bảo đảm thông tin; Bảo đảm sự tham gia; Bình đẳng luật pháp; Tăng cường năng lực;.

4.2.6. Sửa đổi, bổ sung quy định về hậu quả pháp lý từ hoạt động tham gia bảo vệ môi trường của các tổ chức xã hội

Hậu quả pháp lý khi tham gia BVMT của các TCXH cũng như các yếu tố khác của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT, chưa được quy định riêng mà vẫn còn nằm chung trong các quy định khác (khi thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, khi khiếu nại, tố cáo

v.v..) hoặc chưa có (nếu biểu tình). Vì vậy tác động, ảnh hưởng của những hậu quả pháp lý này quá yếu, hiệu quả tham gia BVMT của các TCXH rất thấp. Để phát huy vai trò, hiệu quả tham gia BVMT của các TCXH cần quy định cụ thể về các hậu quả pháp lý khi tham gia BVMT của các TCXH, trong đó xác định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các chủ thể vi phạm pháp luật môi trường. Khi các TCXH tham gia xây dựng, góp ý kiến vào chủ trương, chính sách, pháp luật, kế hoạch về môi trường, BVMT thì hậu quả pháp lý của hoạt động này là bản kiến nghị, góp ý của TCXH và tiếp thu, trả lời, giải trình của cơ quan soạn thảo và cơ quan có thẩm quyền.

Tóm lại, Chương 4 luận án đã đưa ra những quan điểm về hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam. Trên cơ sở những quan điểm này, kết hợp với kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng ở Chương 3, luận án đã đưa ra hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn xã hội đang nóng với các vấn đề liên quan đến BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, thì việc đẩy mạnh sự tham gia của các TCXH vào BVMT thông qua việc xây dựng một cơ chế pháp lý vận hành hữu hiệu là điều vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, xét cả về lý luận và thực tiễn thì đây là một vấn đề chưa chưa được nghiên cứu một cách toàn diện để đưa ra một hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao vai trò tham gia BVMT của các TCXH trong bối cảnh vấn đề BVMT đang rất nóng bỏng như hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu “Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay” là cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay, xây dựng khái niệm Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT là tổng thể các yếu tố hợp thành như thể chế, thiết chế và những bảo đảm về chính trị, pháp lý, kinh tế- xã hội có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau vận hành trong một chỉnh thể thống nhất, thông qua đó khẳng định quyền tham gia và đảm bảo khả năng thực hiện quyền tham gia của các TCXH trong BVMT. Luận án cũng đã xác định đặc điểm, vai trò, các thành tố và nội dung tham gia của các TCXH trong BVMT.

Luận án đã khái quát quá trình hình và phát triển của cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam và đánh giá thực trạng vận hành của cơ chế này trong tình hình hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất một số quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý sự tham gia của các TCXH trong BVMT ở Việt Nam hiện nay.

Là một công trình đầu tiên nghiên cứu về cơ chế pháp lý về sự tham gia của các TCXH trong BVMT, luận án có những đóng góp mới cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu luận án, do gặp nhiều khó khăn cả về chủ quan và khách quan nên có những vấn đề tác giả chưa giải quyết thấu đáo như mong muốn và có những vấn đề luận giải trong điều kiện vẫn còn những tranh luận chưa thống nhất về mặt khoa học, còn nhiều ý kiến khác nhau. Nghiên cứu sinh rất mong được những ý kiến nhận xét, góp ý của các nhà khoa học, cán bộ thực tiễn, đồng nghiệp và những người có quan tâm đến vấn đề nghiên cứu để luận án được hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), “Hoàn thiện quy định pháp luật trong phân công quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (12), tr.50-55.
2. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), “Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của một số nước trên thế giới và sự vận dụng ở Việt Nam”, Kỳ I, *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Môi trường Công an*, (36), tr.52-55.
3. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), “Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của một số nước trên thế giới và sự vận dụng ở Việt Nam”, Kỳ I, *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Môi trường Công an*, (37), tr.58-60.
4. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), “Giải pháp xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thanh tra*, (7), tr.32-34.
5. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), “Hoàn thiện pháp luật về vai trò của các tổ chức xã hội trong giám sát bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (17), tr.51-54.
6. Nguyễn Thị Tố Uyên (2014), “Trung cầu dân ý ở một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nhân quyền*, tr.56-58.
7. Nguyễn Thị Tố Uyên (đồng tác giả) (2014), “Trung cầu dân ý và quy định về trung cầu ý dân ở một số nước trên thế giới”, *Kỷ yếu Hội thảo Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.165-186.
8. Nguyễn Thị Tố Uyên (2016), “Vai trò của các tổ chức xã hội và thực trạng các quy định pháp luật về tổ chức xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*.